|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT A THANH LIẾM  **TỔ:** TOÁN - TIN | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: TIN HỌC**

**KHỐI LỚP: 12**

(Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 0**9**; Số học sinh:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**03 ; **Trình độ đào tạo**: Đại học.;

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 3;

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính |  | Chủ đề A: Bài 3- Thực hành sử dụng thiết bị số |  |
| 3 | Loa | 0 |
| … |  |  | Chủ đề B: Bài 3-Thực hành sử dụng một số ứng dụng của mạng máy tính |  |
| … |  |  | Chủ đề F: Bài 3,5,7,9,11,13,15,17 |  |
|  |  |  | Chủ đề E: Bài 1,2,3,4 |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

1. **Phân phối chương trình**

**KHỐI 12**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| **Chủ đề 1.Máy tính và xã hội tri thức** | | | |
| 1 | BÀI 1. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ ỨNG DỤNG | 1-2 | I. MỤC TIÊU1. Kiến thức - Khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI).  - Một số ứng dụng điển hình của AI. 2. Năng lực - Giải thích được sơ lược về khái niệm Trí tuệ nhân tạo.  - Nêu được ví dụ minh hoạ cho một số ứng dụng điển hình của AI. 3. Phẩm chất - Hình thành ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật những kiến thức mới trong Tin học.  - Có khả năng phân tích và nhận biết cách thức hoạt động của các ứng dụng AI.  - Rèn luyện tính kiên nhẫn và tập trung trong học tập.  - Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động. |
| 2 | BÀI 2. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG | 3-4 | 1. Kiến thức - AI và sự phát triển của một số lĩnh vực khoa học và đời sống.  - Hệ thống AI có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,...  - Mặt trái của sự phát triển AI. 2. Năng lực - Chỉ ra được một số lĩnh vực của khoa học công nghệ và đời sống đã và đang phát triển mạnh mẽ dựa trên những thành tựu to lớn của AI.  - Nêu được ví dụ để thấy một hệ thống AI có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,...  Nêu được cảnh báo về sự phát triển của AI trong tương lai. 3. Phẩm chất - Hình thành ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật những kiến thức mới trong Tin học.  - Biết đánh giá, phê phán các thông tin, nghiên cứu và tuyên bố về AI, giúp phân biệt giữa quảng cáo và thực tế.  - Có khả năng sẵn sàng học hỏi và tự cập nhật kiến thức, bởi AI là một lĩnh vực không ngừng phát triển và đổi mới.  - Biết đánh giá tác động, tiềm năng và giới hạn của các ứng dụng AI trong thực tế.  - Rèn luyện tính kiên nhẫn và tập trung trong học tập.  - Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động. |
| **Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet** | | | |
| 3 | BÀI 3. MỘT SỐ THIẾT BỊ MẠNG THÔNG DỤNG | 5-6 | 1. Kiến thức Biết được một số các thiết bị mạng thông dụng và chức năng của chúng. 2. Năng lực - Năng lực chung:  - Tự chủ và tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trả lời được các câu hỏi, giải quyết được các vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.  - Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Năng lực Tin học:  - Sử dụng thiết bị mạng phù hợp với yêu cầu kĩ thuật.  - Có thể kết nối máy tính với thiết bị mạng. 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trung thực: Thực hiện đúng phần việc của bản thân và hợp tác làm việc nhóm khi được giao nhiệm vụ. Có ý thức báo cáo kết quả một cách chính xác.  - Trách nhiệm: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giáo viên thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu học tập, thông qua sản phẩm. |
| 4 | BÀI 4. GIAO THỨC MẠNG | 7-8 | 1. Kiến thức Hiểu và mô tả sơ lược được được vai trò và chức năng của giao thức mạng nói chung và giao thức TCP/IP nói riêng 2. Năng lực - Năng lực chung:  - Tự chủ và tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trả lời được các câu hỏi, giải quyết được các vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.  - Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Năng lực Tin học:  - Sử dụng thiết bị mạng phù hợp với yêu cầu kĩ thuật.  - Biết tìm địa chỉ và cài đặt . 3. Phẩm chất - **Chăm chỉ:** Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - **Trung thực:** Thực hiện đúng phần việc của bản thân và hợp tác làm việc nhóm khi được giao nhiệm vụ. Có ý thức báo cáo kết quả một cách chính xác.  - **Trách nhiệm:** Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giáo viên thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu học tập, thông qua sản phẩm. |
| 5 | BÀI 5. THỰC HÀNH CHIA SẺ TÀI NGUYÊN TRÊN MẠNG | 9-12 | 1. Kiến thức Biết các nguyên tắc và kĩ năng chia sẻ tài nguyên trong mạng cục bộ. 2. Năng lực - Năng lực chung:  - Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu nội dung bài học, xác định nhiệm vụ thực hiện.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Hoàn thành các nhiệm vụ yêu cầu với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.  - Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và thực hiện tốt nhiệm vụ.  - Năng lực Tin học: Có thể thực hiện được việc chia sẻ tệp, thư mục và máy in trong mạng cục bộ. 3. Phẩm chất - Tính cẩn thận, khả năng lập kế hoạch, khả năng làm việc nhóm.  - Nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập. |
| **Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | | | |
| 6 | BÀI 6. GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ TRONG KHÔNG GIAN MẠNG | 13-14 | 1. Kiến thức - Khái niệm không gian mạng.  - Ưu điểm và nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng.  - Tính nhân văn trong ứng xử. 2. Năng lực – Phân tích được ưu và nhược điểm về giao tiếp trong không gian mạng qua các ví dụ cụ thể.  – Phân tích được tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống khi tham gia không gian mạng. 3. Phẩm chất – Phát triển năng lực tư duy, phân tích và phê phán của HS.   * Khuyến khích sáng tạo và tư duy lôgic trong việc áp dụng kiến thức. |
| **Chủ đề 4. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | | | |
| 7 | BÀI 7. HTML VÀ CẤU TRÚC TRANG WEB | 15-16 | 1. Kiến thức Học sinh được học về:  - Khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.  - Khái niệm thẻ HTML, phần tử HTML.  - Cấu trúc trang web.  - Phần mềm soạn thảo HTML. 2. Năng lực - Hiểu khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.  - Hiểu cấu trúc thẻ HTML, phần tử HTML, nhận dạng được thẻ HTML và phần tử HTML trong ví dụ cụ thể.  - Hiểu và giải thích được cấu trúc trang web.  - Biết về các phần mềm soạn thảo HTML, các ưu nhược điểm của từng phần mềm, từ đó lựa chọn được phần mềm soạn thảo phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tế. 3. Phẩm chất - Hình thành ý thức trách nhiệm khi làm việc nhóm. Rèn tính cẩn thận, kiên trì, chăm chỉ học hỏi để hoàn thành nhiệm vụ được giao. |
| 8 | Kiểm tra giữa kì I | 17 |  |
| 9 | BÀI 8. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN | 18-19 | 1. Kiến thức Học sinh được học về:  - Cấu trúc khai báo thuộc tính của thẻ.  - Các thẻ định dạng văn bản: thẻ định dạng tiêu đề, thẻ định dạng đoạn, thẻ định dạng kiểu chữ, phông chữ. 2. Năng lực - Hiểu được ý nghĩa của thuộc tính thẻ.  - Phát hiện được các thẻ có thuộc tính thông qua cấu trúc.  - Hiểu được các thành phần khác nhau của văn bản cần có kiểu định dạng khác nhau, phù hợp và giúp nhấn mạnh nội dung.  - Biết được cấu trúc các thẻ định dạng văn bản.  - Sử dụng được các thẻ HTML định dạng được tiêu đề, đoạn văn, phông chữ và kiểu chữ cho văn bản.  - Nâng cao khả năng tự học. 3. Phẩm chất - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.  - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.  - Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |
| 10 | BÀI 9. TẠO DANH SÁCH, BẢNG | 20-21 | 1. Kiến thức Học sinh được học về:  - Ý nghĩa của danh sách và bảng trong trình bày văn bản.  - Cách tạo danh sách và bảng trong trang web 2. Năng lực - Hiểu được ý nghĩa của danh sách và bảng trong trình bày văn bản.  - Biết được cấu trúc các thẻ tạo danh sách và tạo bảng.  - Sử dụng được các thẻ tạo được danh sách và bảng.  - Xác định được kiểu danh sách phù hợp với yêu cầu đề ra. 3. Phẩm chất - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.  - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.  - Hình thành tư duy lôgic phân tích công việc phức tạp thành các công việc đơn giản để thực hiện. |
| 11 | BÀI 10. TẠO LIÊN KẾT | 22-23 | 1. Kiến thức Học sinh được học về:  - Khái niệm siêu văn bản, đường dẫn, đường dẫn tương đối và đường dẫn tuyệt đối. 2. Năng lực - Sử dụng thẻ HTML tạo được các liên kết. 3. Phẩm chất - Hình thành tư duy tổng quan về sự liên kết giữa các thành phần trong một tổng hợp phức tạp.  - Có trách nhiệm khi chia sẻ các nguồn tài nguyên trên không mạng. |
| 12 | BÀI 11. CHÈN TỆP TIN ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ KHUNG NỘI TUYẾN VÀO TRANG WEB | 24-26 | **Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - * Các loại tệp tin đa phương tiện có thể chèn vào trang web.       * Cách chèn các tệp tin đa phương tiện vào trang web.       * Khái niệm khung nội tuyến và ý nghĩa của việc chèn khung nội tuyến trong trang web.  **Năng lực**  * + - * Sử dụng được các thẻ HTML để thêm ảnh, video và âm thanh và khung nội tuyến vào trang web.       * Hiểu và áp dụng các thuộc tính của thẻ <img>, <video>, <audio> , <iframe>để tuỳ chỉnh hiển thị và chức năng của các phương tiện đa phương tiện trên trang web.  **Phẩm chất**  * + - * Hình thành tư duy tổng quan về sự liên kết giữa các thành phần trong một tổng hợp phức tạp.       * Có trách nhiệm khi chia sẻ các nguồn tài nguyên trên không mạng. |
| 13 | BÀI 12. TẠO BIỂU MẪU | 27-29 | **1.Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - Ý nghĩa của biểu mẫu trong trang web.     - Cách thức hoạt động của biểu mẫu.     - Các phần tử thường dùng trong biểu mẫu: tên, ý nghĩa, cách sử dụng.  **Năng lực**  * + - Hiểu được ý nghĩa của biểu mẫu trong trang web.     - Hiểu được cách thức hoạt động của biểu mẫu     - Hiểu được cú pháp tạo biểu mẫu và các thành phần trong biểu mẫu.     - Vận dụng cú pháp được học tạo được biểu mẫu theo yêu cầu của GV và tự tạo được biểu mẫu khác theo nhu cầu sử dụng.  **Phẩm chất**  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.     - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML.     - Luôn chủ động tìm kiếm các cách làm mới, cải tiến những cái đang có để tốt hơn. |
| 14 | BÀI 13. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA CSS | 30-31 | **1. Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - Khái niệm CSS.     - Cấu trúc của các định dạng CSS     - Vai trò của CSS     - Cách thiết lập CSS, ưu và nhược điểm của từng cách.  **2. Năng lực**  * + - Hiểu được vai trò và ý nghĩa của cấu trúc định dạng CSS trong việc trình bày trang web.     - Thực hiện thiết lập CSS bằng 3 cách trong một số ví dụ cụ thể, từ đó thấy được ưu và nhược điểm của từng cách, lựa chọn được cách thực hiện phù hợp với nhiệm vụ.  **3.Phẩm chất**Hình thành ý thức trách nhiệm khi làm việc nhóm. Rèn tính cẩn thận, kiên trì, chăm chỉ học hỏi để hoàn thành nhiệm vụ được giao |
| 15 | BÀI 14. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN BẰNG CSS | 32-34 | **1.Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - Cách khai báo các thuộc tính định dạng phông chữ, màu sắc chữ, dòng văn bản.     - Tính kế thừa của các mẫu định dạng CSS.     - Cách chọn theo thứ tự của các mẫu định dạng CSS.  **2.Năng lực**  * + - Sử dụng được CSS để định dạng văn bản.     - Nâng cao khả năng tự học.  **3.Phẩm chất**  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.     - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các câu lệnh.  Nâng cao tinh thần trách nhiệm khi làm việc nhóm. |
| 16 | Ôn tậpKiểm tra giữa kì I | 35-36 | *Về kiến thức* :  - Kiểm tra các kiến thức đã học tại chủ đề 1,2,3.  *Về kỹ năng- năng lực*  HS có khả năng làm các câu hỏi và bài tập theo yêu cầu của giáo viên.  *Về phẩm chất:* *-* Trung thực, thật thà khi làm bài kiểm tra. |
| 17 | BÀI 15. TẠO MÀU CHO CHỮ VÀ NỀN | 37-38 | **1.Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - Cách thiết lập hệ thống màu sắc của CSS.     - Các thuộc tính màu sắc của định dạng CSS.     - Bộ chọn CSS dạng tổ hợp các phần tử có quan hệ và ý nghĩa của các bộ chọn này.  **2.Năng lực**  * + - Sử dụng được CSS để thiết lập màu cho chữ và nền.     - Nâng cao khả năng tự học.  **3.Phẩm chất**  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.     - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các câu lệnh.  Nâng cao tinh thần trách nhiệm khi làm việc nhóm. |
| 18 | BÀI 16. ĐỊNH DẠNG KHUNG | 39-40 | **1.Kiến thức** Học sinh được học về:   * + - Phần tử khối và phần tử nội tuyến.     - Khung của phần tử và các định nghĩa có liên quan.     - Các thuộc tính định dạng khung.     - Bộ chọn lớp (class selector) và bộ chọn với mã định danh (id selector)  **2.Năng lực**  * + - Phân biệt được phần tử khối và phần tử nội tuyến.     - Hiểu được ý nghĩa các thuộc tính liên quan đến khung. Chỉ ra được thuộc tính và giá trị thuộc tính đó trên ví dụ cụ thể.     - Hiểu được ý nghĩa và cách thiết lập và áp dụng bộ chọn đặc biệt (bộ chọn lớp, bộ chọn với mã định danh, bộ chọn thuộc tính) của CSS     - Nâng cao khả năng tự học.  **3.Phẩm chất**  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.     - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các câu lệnh.     - Luôn có ý thức tìm kiếm, lựa chọn các cách làm mới, đơn giản và hiệu quả cho các tình huống thực tiễn. |
| 19 | BÀI 17. CÁC MỨC ƯU TIÊN CỦA BỘ CHỌN | 41-42 | **1. Kiến thức**  * + - Bộ chọn lớp giả.     - Bộ chọn phần tử giả.     - Mức độ ưu tiên của các mẫu định dạng CSS.  **2.Năng lực**  * + - Thấy được ý nghĩa của việc sử dụng bộ chọn lớp giả và bộ chọn phần tử giả làm cho trang web sinh động hơn.     - Hiểu cấu trúc, biết cách thiết lập mẫu định dạng sử dụng bộ chọn lớp giả và bộ chọn phần tử giả.     - Xác định được thứ tự ưu tiên của các bộ chọn trong các ví dụ cụ thể.     - Biết cách sử dụng CSS thực hiện các mẫu định dạng theo thứ tự ưu tiên của mình.  **3.Phẩm chất**  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.     - Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các câu lệnh.     - Phát huy tinh thần và trách nhiệm khi làm việc nhóm. |
| 20 | BÀI 18. THỰC HÀNH TỔNG HỢP THIẾT KẾ TRANG WEB | 43-44 | **1.Kiến thức**  * + - Ôn tập các kiến thức đã học về các thẻ HTML và định dạng văn bản với CSS  **2.Năng lực**  * + - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học về các thẻ HTML và định dạng văn bản với CSS để xây dựng và hoàn thiện một trang web.     - Có khả năng tự đánh giá sản phẩm, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để hoàn thiện sản phẩm.  Phát triển tư duy logic, phân tích và định hướng trước khi thực hiện bất kì nhiệm vụ nào. Với mỗi nhiệm vụ luôn tìm tòi các phương án giải quyết, lựa chọn phương án phù hợp nhất để giải quyết yêu cầu đặt ra |
| 21 | Bài 19. DỊCH VỤ SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ MÁY TÍNH | 45-46 | **Kiến thức**  * + Công việc chính của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính.   + Kiến thức, kĩ năng mà người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần có.   + Ngành học có liên quan tới sửa chữa và bảo trì máy tính ở các bậc học tiếp theo.   + Nhu cầu về nhân lực của xã hội trong hiện tại và tương lai gần về nghề sửa chữa vàbảo trì máy tính.   + Thông tin hướng nghiệp về một vài ngành nghề khác trong nhóm nghề dịch vụ thuộc ngành CNTT.  **Năng lực**  * + Biết được những nét sơ lược về công việc chính mà người làm nghề phải thực hiện.   + Nêu được yêu cầu thiết yếu về kiến thức và kĩ năng cần có để làm nghề.   + Biết được những ngành học có liên quan ở các bậc học tiếp theo.   + Tìm hiểu được nhu cầu nhân lực của xã hội trong hiện tại và tương lai gần về nhóm nghề đó.   + Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp về một vài ngành nghề khác trong nhóm nghề dịch vụ thuộc ngành CNTT.  **Phẩm chất** Chăm chỉ, năng động, chịu khó tìm hiểu, vận dụng |
| **CHỦ ĐỀ 5. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC** | | | |
| 22 | BÀI 20. NHÓM NGHỀ QUẢN TRỊ THUỘC NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN | 47-48 | Kiến thức Thông tin hướng nghiệp của nhóm nghề quản trị thuộc ngành CNTT: Quản trị mạng, Bảo mật hệ thống thông tin, Quản trị và bảo trì hệ thống. Năng lực Trình bày được thông tin hướng nghiệp của nhóm nghề quản trị thuộc ngành CNTT:   * + - Những nét sơ lược về công việc chính mà người làm nghề phải thực hiện.     - Yêu cầu thiết yếu về kiến thức và kĩ năng cần có để làm nghề.     - Ngành học có liên quan ở các bậc học tiếp theo.     - Nhu cầu nhân lực của xã hội trong hiện tại và tương lai gần về nhóm nghề đó.  Phẩm chất Chăm chỉ, năng động, chịu khó tìm hiểu, vận dụng. |
| 23 | BÀI 21. HỘI THẢO HƯỚNG NGHIỆP | 49-50 | Kiến thức  * + - Tên một số ngành nghề và lĩnh vực có sử dụng nhân lực CNTT.     - Vai trò và công việc của chuyên viên CNTT trong một số ngành nghề.     - Thông tin ngành đào tạo của một số cơ sở đào tạo CNTT.  Năng lực  * + - Nêu được tên một số ngành nghề và lĩnh vực có sử dụng nhân lực CNTT, đồng thời giải thích được vai trò và công việc của chuyên viên CNTT trong một số ngành nghề.     - Tìm hiểu được thông tin ngành đào tạo của một số cơ sở đào tạo CNTT.     - Giao lưu được với bạn bè qua các kênh truyền thông số để tham khảo và trao đổi ý kiến về những thông tin trên.  Phẩm chất  * + - Chăm chỉ, năng động, chịu khó tìm hiểu, vận dụng. |
| **CHỦ ĐỀ 6. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC** | | | |
| 24 | BÀI 22. THỰC HÀNH KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ SỐ | 51-53 | 1. ***Kiến thức***   Biết một số phương thức kết nối máy tính với thiết bị số.   1. ***Năng lực***   Kết nối được máy tính với một số thiết bị số bằng các phương thức khác nhau, trong đó có các thiết bị nhà thông minh qua Internet.   1. ***Phẩm chất***   Tự giải quyết vấn đề có sáng tạo. Khả năng thích ứng với công nghệ |
| 25 | Kiểm tra giữa kì II | 54 | *Về kiến thức* :  - Thực hiện các thao tác tạo màu cho chữ, khung, thiết kế trang Web.  - Giới thiệu nhóm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính, công nghệ thông tin.  *Về kỹ năng:*  - HS thực hiện tốt các thao tác trên máy tính  *Về năng lực:*  -HS hoàn thành tốt các yêu cầu của đề kiểm tra.  *Về phẩm chất:*  *-* Trung thực, thật thà trong giờ kiểm tra. |
| **CHỦ ĐỀ 7. ỨNG DỤNG TIN HỌC** | | | |
| 26 | BÀI 23. CHUẨN BỊ XÂY DỰNG TRANG WEB | 55-56 | Kiến thức  * Cấu trúc của trang web: gồm những thành phần nào, nội dung của từng phần. * Các bước xây dựng trang web  Năng lực  * Xác định được cấu trúc chung của trang web. * Nhận diện được các thành phần chung của trang web thông qua các ví dụ cụ thể. * Nắm được các bước xây dựng trang web. * Thực hiện được bước chuẩn bị xây dựng trang web cho chủ đề được lựa chọn. * Trau dồi năng lực quan sát, tìm hiểu thực tiễn và liên hệ thực tiễn với kiến thức tiếp thu được. * Nâng cao khả năng tự học.  Phẩm chất  * Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới. * Cẩn thận, tỉ mỉ trong bước chuẩn bị xây dựng trang web, tạo điều kiện thuận lợi cho các bài học sau. |
| 27 | BÀI 24. XÂY DỰNG PHẦN ĐẦU TRANG WEB | 57-58 | Kiến thức  * + - Giao diện làm việc của Google Sites.     - Cách sử dụng Google Sites để thiết kế phần đầu trang web.     - Cách tuỳ chỉnh, xem trước và xuất bản trang web.   1. ***Năng lực***      + Nhận biết được các nút chức năng và ý nghĩa các chức năng trong giao diện khởi động và giao diện làm việc của Google Sites.      + Sử dụng được phần mềm Google Sites để tạo một trang web theo mẫu và tạo được phần đầu trang web.      + Nâng cao khả năng tự học  Phẩm chất  * + - Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.   Cẩn thận, tỉ mỉ trong bước chuẩn bị xây dựng trang web, tạo điều kiện thuận lợi cho các bài học sau |
| 28 | BÀI 25. XÂY DỰNG PHẦN THÂN VÀ CHÂN TRANG WEB | 59-60 | Kiến thức  * Giao diện tạo phần thân trang web trong Google Sites. * Cách sử dụng Google Sites để thiết kế phần thân trang web: thêm các khối nội dung, thêm các đối tượng đồ hoạ. * Cách sử dụng Google Sites để thiết kế phần chân trang web. * Cách tuỳ chỉnh các đối tượng được chèn vào thân trang web.  Năng lực  * Nhận biết được các nút chức năng và ý nghĩa các chức năng trong giao diện tạo phần thân trang web. * Sử dụng được phần mềm Google Sites để chèn và chỉnh sửa các khối nội dung và các đối tượng đồ hoạ trong phần thân trang web. * Lựa chọn được các nội dung và minh hoạ phù hợp để đưa vào trang web. * Bố cục được các khối nội dung trong thân trang web một cách phù hợp, có điểm nhấn. * Sử dụng được phần mềm Google Sites để thiết kế chân trang web. * Nâng cao khả năng tự học.  Phẩm chất  * Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới. * Nâng cao tính mĩ thuật, tính sáng tạo trong công việc và học tập, đặc biệt trong thao tác bố cục các nội dung trong phần thân trang web. * Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của công việc thiết kế. |
| 28 | BÀI 26. LIÊN KẾT VÀ THANH ĐIỀU HƯỚNG | 61-62 | 1. Kiến thức- Mô hình tổ chức các trang web.- Cách tạo liên kết tới các trang.- Cách thiết lập và tuỳ chỉnh bảng chọn Trang chủ trên thanh điều hướng.2. Năng lực- Nhận biết được mô hình tổ chức các trang web, các trang web liên kết với nhau theo cấu trúc hình cây. Phân tích được cách tổ chức một số trang web ví dụ.- Thiết kế được cấu trúc tổ chức các trang web cho đề tài đang thực hiện.- Tạo được các trang con trong trang chủ.- Tạo được liên kết tới các trang.- Thiết lập được thanh điều hướng, tuỳ chỉnh vị trí, cấp độ các trang trong thanh điều hướng cho khoa học.- Nâng cao khả năng tự học.3. Phẩm chất- Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới.- Nâng cao nhận thức về tính tổ chức khoa học trong công việc và học tập.- Có ý thức trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và tích cực, hợp tác khi làm việc nhóm. |
| 29 | BÀI 27. BIỂU MẪU TRÊN TRANG WEB | 63-64 | Kiến thức  * + - Ý nghĩa của biểu mẫu trên trang web.     - Cách tạo và sử dụng biểu mẫu.  Năng lực  * + - Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng biểu mẫu trên trang web.     - Sử dụng phần mềm Google Form để tạo biểu mẫu.     - Thực hiện nhúng biểu mẫu vào trang web và xem các kết quả thống kê trên biểu mẫu.     - Lựa chọn được kiểu biểu mẫu phù hợp với các nhu cầu khác nhau.  Phẩm chất  * + - Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.     - Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao và tích cực hợp tác khi làm việc nhóm. |
| 30 | BÀI 28. THỰC HÀNH TỔNG HỢP | 65-67 | 1. Kiến thức- Ôn tập lại các kiến thức về tạo trang web đã học từ Bài 23 đến Bài 27.2. Năng lực- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học trong việc chuẩn bị, xây dựng và hoàn thiện một trang web.- Có khả năng tự đánh giá sản phẩm, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để hoàn thiện sản phẩm.3. Phẩm chất- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập. Luôn có ý thức vươn lên, không bằng lòng với những gì đang có, ngày càng hoàn thiện sản phẩm và kĩ năng của bản thân.- Hợp tác khi làm việc nhóm.- Báo cáo kết quả trung thực, công bằng khi đánh giá đồng đẳng.- Tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học. |
| 31 | Ôn tập  Kiểm tra | 69-69 | *Về kiến thức* :  - Chuẩn bị xây dựng trang Web, tiêu đề, biểu mẫu trên Web.  *Về kỹ năng:*  - HS thực hiện tốt các thao tác trên máy tính  *Về năng lực:*  -HS hoàn thành tốt các yêu cầu của đề kiểm tra.  *Về phẩm chất:* *-* Trung thực, thật thà trong giờ kiểm tra. |

2. **Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| Giữa học kỳ I | 45 | Tuần 8 | *Về kiến thức* :  - Kiểm tra các kiến thức đã học tại chủ đề 1,2,3.  *Về kỹ năng- năng lực*  HS có khả năng làm các câu hỏi và bài tập theo yêu cầu của giáo viên.  *Về phẩm chất:*  *-* Trung thực, thật thà khi làm bài kiểm tra. | Trắc nghiệm 70%  Tự luận 30% |
| Cuối học kỳ I | 45 | Tuần 18 | *Về kiến thức* :  - Thực hiện các thao tác với bảng theo yêu cầu của đề ra.  *Về kỹ năng:*  - HS thực hiện tốt các thao tác trên máy tính  *Về năng lực:*  -HS hoàn thành tốt các yêu cầu của đề kiểm tra.  *Về phẩm chất:*  *-* Trung thực, thật thà trong giờ kiểm tra. | Trắc nghiệm 70%  Thực hành 30% |
| Giữa học kỳ II | 45 | Tuần 26 | *Về kiến thức* :  - Thực hiện các thao tác tạo màu cho chữ, khung, thiết kế trang Web.  - Giới thiệu nhóm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính, công nghệ thông tin.  *Về kỹ năng:*  - HS thực hiện tốt các thao tác trên máy tính  *Về năng lực:*  -HS hoàn thành tốt các yêu cầu của đề kiểm tra.  *Về phẩm chất:*  *-* Trung thực, thật thà trong giờ kiểm tra. | Trắc nghiệm 70%  Tự luận 30% |
| Cuối học kỳ II | 45 | Tuần 35 | *Về kiến thức* :  - Chuẩn bị xây dựng trang Web, tiêu đề, biểu mẫu trên Web.  *Về kỹ năng:*  - HS thực hiện tốt các thao tác trên máy tính  *Về năng lực:*  -HS hoàn thành tốt các yêu cầu của đề kiểm tra.  *Về phẩm chất:*  *-* Trung thực, thật thà trong giờ kiểm tra. | Trắc nghiệm 70%  Thực hành 30% |

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. [↑](#footnote-ref-2)